

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2011/TT-BYT

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2011

THÔNG TƯ**Hướng dẫn chung về lấy mẫu thực phẩm phục vụ thanh tra, kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Bộ Y tế hướng dẫn lấy mẫu phục vụ thanh tra, kiểm tra về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn nguyên tắc chung về lấy mẫu thực phẩm phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động lấy mẫu thực phẩm trong quá trình thanh tra, kiểm tra về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lấy mẫu thực phẩm là các thao tác kỹ thuật nhằm thu được một lượng thực phẩm nhất định đại diện và đồng nhất phục vụ cho việc phân tích, đánh giá chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Lô sản phẩm thực phẩm là một số lượng xác định của một loại sản phẩm cùng tên, chất lượng, nguyên liệu, thời hạn sử dụng và được sản xuất tại cùng một cơ sở.

3. Mẫu kiểm nghiệm là mẫu chung dùng để kiểm nghiệm, đánh giá các chỉ tiêu tại phòng kiểm nghiệm.

4. Mẫu lưu là mẫu có cùng đặc tính của mẫu kiểm nghiệm và được lưu tại cơ sở kiểm nghiệm, cơ sở được lấy mẫu hoặc cơ sở do trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra chỉ định.

Điều 3. Yêu cầu đối với người lấy mẫu

1. Là thành viên của đoàn thanh tra, kiểm tra.

2. Được đào tạo và có chứng chỉ về kỹ thuật lấy mẫu thực phẩm.

3. Phải trực tiếp lấy mẫu tại cơ sở hoặc theo chỉ định của đoàn thanh tra.

4. Phải tiến hành lập Biên bản lấy mẫu, Biên bản bàn giao mẫu và dán tem niêm phong theo mẫu được quy định tại Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Trách nhiệm của người lấy mẫu

1. Phải chuẩn bị đầy đủ thủ tục, dụng cụ, thiết bị lấy mẫu và bảo quản mẫu.

2. Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật đảm bảo tính khách quan, trung thực trong quá trình lấy mẫu, vận chuyển và bàn giao mẫu cho đơn vị kiểm nghiệm.

Điều 5. Quá trình lấy mẫu

1. Quá trình lấy mẫu phải được giám sát và ghi chép đầy đủ. Tất cả các dấu hiệu không đồng nhất, hư hỏng của sản phẩm và bao bì bảo quản đều phải ghi chép lại.

2. Sau khi kết thúc quá trình lấy mẫu, mẫu kiểm nghiệm phải được bàn giao ngay cho đơn vị kiểm nghiệm trong thời gian sớm nhất.

Điều 6. Chi phí lấy mẫu

Chi phí lấy mẫu được thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 58 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và các quy định khác của pháp luật.

Điều 7. Lượng mẫu được lấy và phương pháp lấy mẫu

1. Đối với từng sản phẩm, lượng mẫu tối thiểu và tối đa được lấy quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phương pháp lấy mẫu đối với các nhóm sản phẩm được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Điều kiện bảo quản và thời gian lưu mẫu

1. Điều kiện bảo quản trong suốt quá trình lấy mẫu, vận chuyển, bàn giao và lưu mẫu phải phù hợp với các yêu cầu về bảo quản do nhà sản xuất công bố.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế, trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra quyết định thời gian lưu mẫu đối với mẫu lưu và mẫu kiểm nghiệm.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2011.

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Cục An toàn vệ sinh thực phẩm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế (Cục An toàn vệ sinh thực phẩm) để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trịnh Quân Huân

Phụ lục I
LƯỢNG MẪU LẤY PHỤC VỤ KIỂM NGHIỆM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BYT
ngày 01 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Sản phẩm	Lượng mẫu tối thiểu	Lượng mẫu tối đa
1	Sữa và sản phẩm sữa	100 g (ml)	1,5 kg (lít)
2	Đồ uống	500 ml (g)	6 lít (kg)
3	Thuốc lá	03 (bao)	05 (bao)
4	Chè	100 g	1 kg
5	Gia vị	100 g	1 kg
6	Dầu mỡ động vật	100 g (ml)	1,5 kg (lít)
7	Kem và đá thực phẩm	150 g	2,5 kg
8	Rau quả và sản phẩm rau quả	150 g	2,5 kg
9	Các sản phẩm cacao và sôcôla	150 g	1 kg
10	Kẹo	100 g	1 kg
11	Bánh	100 g	1 kg
12	Ngũ cốc, đậu đỗ	100 g	1,5 kg
13	Thịt và sản phẩm thịt	150 g	1,0 kg
14	Thủy sản và sản phẩm thủy sản	150 g	1,5 kg
15	Trứng và sản phẩm trứng	150 g	1,5 kg
16	Đường	100 g	1,5 kg
17	Mật ong và sản phẩm mật ong	100 g (ml)	1,5 kg (lít)
18	Thức ăn cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ	150 g (ml)	1,5 kg (lít)
19	Cà phê và sản phẩm cà phê	150 g (ml)	1,5 kg (lít)
20	Hạt có dầu và sản phẩm hạt có dầu	100 g	1,5 kg
21	Thực phẩm chức năng	100 g	1,5 kg

Ghi chú:

1. Lượng mẫu tối thiểu là lượng mẫu đủ để kiểm nghiệm một chỉ tiêu của sản phẩm. Tùy thuộc vào mục đích của quá trình thanh tra, kiểm tra lượng mẫu lấy có thể được tăng hay giảm và loại sản phẩm không có trong mục trên có thể được lấy theo quyết định của trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra phù hợp với yêu cầu thanh tra, kiểm tra.

2. Trong trường hợp không đủ để lưu mẫu, mọi thay đổi cần ghi rõ trong Biên bản lấy mẫu và Biên bản bàn giao mẫu.

Phụ lục II
PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BYT
ngày 01 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Đối tượng sản phẩm	Số tiêu chuẩn/quy chuẩn/số hiệu tài liệu hướng dẫn
1	Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu	TCVN 6663-1: 2002
2	Hướng dẫn lấy mẫu ở sông và suối	TCVN 6663-6: 2008
3	Hướng dẫn lấy mẫu nước uống và nước dùng để chế biến thực phẩm và đồ uống	TCVN 5995: 1995
4	Hướng dẫn lấy mẫu nước ngầm	TCVN 6000: 1995
5	Hướng dẫn lấy mẫu ở hồ ao tự nhiên và nhân tạo	TCVN 5994: 1995
6	Hướng dẫn lấy mẫu nước mưa	TCVN 5997: 1995
7	Bia - Quy tắc nghiệm thu và phương pháp lấy mẫu	TCVN 5591: 1991
8	Sản phẩm thực phẩm và gia vị. Trình tự lấy mẫu để phân tích vi sinh vật	TCVN 4886: 1989
9	Gia vị. Lấy mẫu	TCVN 4889: 1989 ISO 948: 1988
10	Sữa và các sản phẩm sữa. Hướng dẫn lấy mẫu	TCVN 6400: 2010 ISO 707: 2008
11	Sữa và sản phẩm sữa. Lấy mẫu. Kiểm tra theo dấu hiệu loại trừ	TCVN 6266: 2007
12	Sữa và sản phẩm sữa. Lấy mẫu. Kiểm tra theo dấu hiệu định lượng	TCVN 6267: 1997 ISO 8197: 1988
13	Thịt và sản phẩm thịt. Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử. Phần 1: Lấy mẫu	TCVN 4833-1: 2002
14	Thủy sản. Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 5276: 1990
15	Chè. Lấy mẫu	TCVN 5609: 2007 ISO 1839: 1980
16	Xiên lấy mẫu cà phê nhân	TCVN 4809: 1989
17	Cà phê nhân. Lấy mẫu	TCVN 5702: 1993
18	Cà phê nhân đóng bao. Lấy mẫu	TCVN 6539: 1999 ISO 4072: 1998

TT	Đối tượng sản phẩm	Số tiêu chuẩn/quy chuẩn/số hiệu tài liệu hướng dẫn
19	Cà phê hòa tan - Phương pháp lấy mẫu đối với bao gói có lót	TCVN 6605: 2007 ISO 6670: 2002
20	Hạt cacao	TCVN 7521: 2005 ISO 2292: 1973
21	Đồ hộp	TCVN 4409: 1987
22	Kẹo	TCVN 4067: 1985
23	Đường. Lấy mẫu	TCVN 4837: 2009
24	Ngũ cốc, đậu đỗ và sản phẩm nghiền - Lấy mẫu từ khối hàng tĩnh	TCVN 5451: 2008 ISO 13690: 1999
25	Rau quả tươi. Lấy mẫu	TCVN 5102: 1990 ISO 874:1980
26	Dầu mỡ động vật và thực vật. Lấy mẫu	TCVN 2625: 2007 ISO 5555: 2001
27	Phương pháp khuyến cáo lấy mẫu để xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật phù hợp với các giới hạn dư lượng tối đa (MRL)	TCVN 5139: 2008

Ghi chú: Căn cứ vào tình hình thực tế, trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra có thể quyết định sử dụng các phương pháp lấy mẫu tương đương khác.

Phụ lục III
TEM NIÊM PHONG MẪU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BYT
ngày 01 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

<p>Cán bộ lấy mẫu <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p> <p>Trưởng Đoàn kiểm tra <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p> <p>....., ngày...../...../20...</p>	<p>TEM NIÊM PHONG MẪU</p> <p>Tên sản phẩm</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Mã số mẫu</p> <p>.....</p>	<p>Đại diện cơ sở được lấy mẫu <i>(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))</i></p> <p>..., ngày...../...../20...</p>
---	--	--

Ghi chú: Mã số mẫu do cơ quan kiểm nghiệm đánh mã để kiểm soát trong quá trình kiểm nghiệm.

Phụ lục IV
BIÊN BẢN LẤY MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BYT ngày 01 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH
KIỂM TRA, THANH TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đoàn kiểm tra số:.....
theo Quyết định số:.....

..., ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN LẤY MẪU
Số...../BB-.....

1. Tên cơ sở được lấy mẫu:.....
2. Địa điểm lấy mẫu:.....
3. Người lấy mẫu: (Họ tên, chức vụ, đơn vị).....
4. Phương pháp lấy mẫu:.....
5. Đại diện cơ sở được lấy mẫu: (Họ tên, chức vụ, đơn vị).....

Mẫu gồm 03 phần (01 phần để kiểm nghiệm; 01 phần để lưu tại cơ quan kiểm tra; 01 phần để lưu tại cơ sở được kiểm tra)

STT	Tên mẫu, ký hiệu, số lô, ngày sản xuất, hạn sử dụng	Tên cơ sở và địa chỉ Nhà sản xuất/Nhập khẩu ghi trên nhãn	Số lượng lô hàng khai báo	Lượng mẫu	Quy cách niêm phong mẫu	Tình trạng mẫu

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, Đoàn kiểm tra giữ 02 bản, Cơ sở được kiểm tra giữ 01 bản.

Đại diện cơ sở được lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Người lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục V
BIÊN BẢN BÀN GIAO MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2011/TT-BYT ngày 01 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH
KIỂM TRA, THANH TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đoàn kiểm tra số:.....
theo Quyết định số:.....

..., ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN BÀN GIAO MẪU
Số...../BB-.....

Hôm nay, vào hồi.... giờ.... ngày.../.../20... tại..... Đại diện Đoàn thanh tra (bên giao mẫu) và Đại diện cơ quan kiểm nghiệm (Bên nhận mẫu) tiến hành bàn giao mẫu và các yêu cầu kiểm nghiệm, cụ thể như sau:

Đoàn kiểm tra (Bên giao mẫu):.....

Đại diện là:.....

Cơ quan kiểm nghiệm (Bên nhận mẫu):.....

Đại diện là:.....

TT	Tên mẫu, ký hiệu, số lô, ngày sản xuất, hạn sử dụng, mã số mẫu	Tên cơ sở và địa chỉ Nhà sản xuất/Nhập khẩu ghi trên nhãn	Tình trạng mẫu	Lượng mẫu	Chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm	Căn cứ đánh giá

Ghi chú:.....

Tài liệu kèm theo:.....

Đại diện đoàn kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện cơ quan kiểm nghiệm
(Ký, ghi rõ họ tên)